

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02/4/2019.

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Khởi.

2. Bà Phạm Thị Bích Ly.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hằng N (có mặt);

Địa chỉ: Số 5, ấp Tân H, xã Long H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Duy Đ (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Mỹ L, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Hằng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 16/12/2009 chị Trần Thị Hằng N và anh Lê Duy Đ có tổ chức lễ cưới, là hôn nhân tự nguyện, đến ngày 28/4/2017 chị N và anh Đ có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới chị N và anh Đ sống tại ấp Mỹ L, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

Trong khoảng thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ cờ bạc, cá độ bóng đá, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị N và anh Đ không còn sống

chung từ ngày 17/4/2018 cho đến nay.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh Đ có 02 đứa con chung tên Lê Trần Thúy V, sinh ngày 19/5/2011 và Lê Trần Khánh V, sinh ngày 30/3/2017, hiện nay đang sống chung với chị N.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Trần Thị Hằng N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Duy Đ.

- Về con chung: Chị N yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Trần Thúy V, sinh ngày 19/5/2011 và Lê Trần Khánh V, sinh ngày 30/3/2017, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Lê Duy Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ thống nhất với chị N về thời gian đăng ký kết hôn và mâu thuẫn gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình xảy ra anh Đ thừa nhận là do lỗi của anh Đ cờ bạc, nhưng anh Đ vẫn còn thương vợ, anh Đ muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên anh Đ không đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Đ và chị N có 02 con chung tên Lê Trần Thúy V, sinh ngày 19/5/2011 và Lê Trần Khánh V, sinh ngày 30/3/2017 hiện nay đang sống chung với chị N, anh Đ đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Hằng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Lê Duy Đ có địa chỉ ấp Mỹ L, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hằng N và anh Lê Duy Đ, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày

28/4/2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

[3] Xét lý do xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn chị N và anh Đ chung sống với nhau có 02 người con chung. Tuy nhiên, chị N và anh Đ bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 10/2016, nguyên nhân mâu thuẫn do lỗi của anh Đ cờ bạc thiếu nợ bên ngoài, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi, mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 4/2018 cho đến nay. Tòa án cũng đã triệu tập chị N và anh Đ để hòa giải động viên cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị N cương quyết xin ly hôn không đồng ý hàn gắn, còn anh Đ xin được hàn gắn, chị N cho rằng chị N đã cho anh Đ nhiều lần để sửa lỗi nhưng anh Đ không sửa, anh Đ cũng biết anh không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh Đ đồng ý giao con cho chị N nuôi. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị N và anh Đ cũng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh Đ có 02 con chung tên Lê Trần Thúy V, sinh ngày 19/5/2011 và Lê Trần Khánh V, sinh ngày 30/3/2017, hiện nay đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, từ khi anh chị không còn sống chung với nhau cháu Thúy V và Khánh V do chị N nuôi dưỡng gần gũi với chị N, về mặt tình cảm thì 02 cháu gần bó và yêu mến chị N nhiều hơn anh Đ, hơn nữa 02 cháu là giới nữ nên cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ, tại biên bản ghi ý kiến của cháu Thúy V cháu có nguyện vọng sống với mẹ, còn cháu Khánh V đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì cháu Khánh V còn quá nhỏ dưới 36 tháng tuổi, từ khi anh chị không còn sống chung với nhau cháu Thúy V và Khánh V do chị N nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định về mặt vật chất cũng như tinh thần. Tại phiên tòa anh Đ cũng đồng ý giao con chung cho chị N nuôi. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của 02 cháu Thúy V và Khánh V. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị N và anh Đ tiếp tục giao con chung tên Lê Trần Thúy V, sinh ngày 19/5/2011 và Lê Trần Khánh V, sinh ngày 30/3/2017 cho chị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[5] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Đ là người không trực tiếp nuôi con, nên anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N có khả năng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị N là người có đơn xin ly hôn, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2, 3 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Hằng N và anh Lê Duy Đ.

2. *Về con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện của chị N và anh Đ giao con chung Lê Trần Thúy V, sinh ngày 19/5/2011 và Lê Trần Khánh V, sinh ngày 30/3/2017 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Trần Thị Hằng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003583 ngày 15/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị N nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Mỹ T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh

